

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

- Bản án số: **107/2017/DS-ST**;
- Ngày: 09/8/2017
- V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**;
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - . Ông: **Nguyễn Trung Trực**
 - . Ông: **Trương Hoàng Hoa**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hòa Hợp** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa:*

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 234/2017/TLST-DS ngày 21/6/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2017/QĐST-DS ngày 28/7/2017 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1976 (có mặt)**

Địa chỉ: ấp A. L. T, xã X. Đ, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

- **Bị đơn:** **Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 (có mặt)**

Địa chỉ: ấp A. L. T, xã X. Đ, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

Phạm Thị Kim L, sinh năm 1965 (có mặt)

Thường trú: ấp T.H, xã T. Th, huyện Tân Phú Đông, Tiền Giang.

Nơi ở hiện nay: ấp A. L. T, xã X. Đ, huyện Chợ Gạo, TG

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, qua hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Thu V trình bày: Chị là em ruột của anh T, chị L là chị dâu của chị. Năm 2016, chị có cho vợ chồng anh T, chị L vay tiền như sau:

+Ngày 15/6/2016, anh T vay 2.000.000 đồng;

- + Ngày 09/8/2016, anh T vay 1.000.000 đồng;
- + Ngày 28/8/2016, anh T vay 1.000.000 đồng;
- + Ngày 02/9/2016, vợ chồng anh T vay 86.000.000 đồng;
- + Ngày 05/9/2016, anh T mượn 2.000.000 đồng.

Anh T hứa khi có tiền trả nợ lại nhưng sau đó anh không trả, chị nhiều lần yêu cầu anh T và chị L trả nợ nhưng anh, chị chỉ trả được 500.000 đồng, số nợ còn lại anh, chị cứ hẹn hoài không trả. Khi vay tiền, anh T có viết giấy tay và vợ chồng anh T, chị L có ký tên. Việc anh T, chị L cho rằng trong số nợ 86.000.000 đồng vay ngày 02/9/2016, anh chỉ vay vốn 45.000.000 đồng, tiền lãi là 11.000.000 đồng, tổng cộng chỉ có 56.000.000 đồng nhưng do chị yêu cầu ghi biên nhận viết tay ghi thêm 30.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 86.000.000 đồng để chồng của chị là anh L la mắng nên anh, chị mới ghi giấy nợ là 86.000.000 đồng là không đúng. Chị cho anh, chị vay lần này 86.000.000 đồng nên anh, chị viết giấy tay là 86.000.000 đồng chứ không có ghi không tiền lãi 30.000.000 đồng. Số tiền 86.000.000 đồng này là tiền của chị chứ không phải tiền của chị U như lời anh T trình bày. Nay chị yêu cầu anh T và chị L trả số tiền nợ còn lại tổng cộng 91.500.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Tại bản tự khai, qua hòa giải, tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Văn T trình bày:** anh là anh ruột của chị V. Anh chỉ có vay tiền của V 03 lần tổng cộng 45.000.000 đồng. Tiền do chị V trực tiếp đưa cho anh. Lúc sau, V nói tiền này là tiền của chị U ở xóm nên V nói U tính lãi là 11.000.000 đồng. Anh không khả năng trả lãi nên chị V dẫn anh đến gặp chị U để xin bớt tiền lãi, V nói với chị U là anh T không tiền trả lãi, lúc này chị U đồng ý nên anh và chị V ra về và V nói là sẽ cho anh vay 30.000.000 đồng để trả cho chị U, anh đồng ý. Ngày 25/9/2016, khoảng 19 giờ, V chở e gái anh tên Nguyễn Thị H lên Mỹ Tho gặp anh và đưa anh tờ giấy học sinh, V kêu anh viết là có mượn V 86.000.000 đồng, trong đó có 30.000.000 đồng là cộng thêm vào số nợ 56.000.000 đồng, tổng cộng 86.000.000 đồng để về cho chồng của V khởi chửi V. anh đồng ý vì sợ chồng V là Vân tội nghiệp V, ảnh hưởng hạnh phúc gia đình của V nên anh viết và ký tên vào giấy này, vợ anh là Phạm Thị Kim L và e gái anh là Nguyễn Thị H cũng có ký tên, lúc này cũng có mặt con anh là Nguyễn Thị Tuyết Tr (16 tuổi) có mặt nên anh ghi tên chung chứ con anh không biết chuyện vay tiền này. Anh có vay tiền của V 6.000.000 đồng làm nhiều lần như V trình bày, trả được 500.000 đồng nên còn nợ lại 5.500.000 đồng.

Tiền này anh vay để mở quán kinh doanh thức ăn, bán nước giải khát và anh có hứa khi nào có tiền sẽ trả, do việc kinh doanh bị thua lỗ không tiền trả, gần đây V có yêu cầu trả tiền nhưng anh không tiền trả nên V khởi kiện.

Nay V không đồng ý 30.000.000 đồng là ghi không vào số nợ 86.000.000 đồng mà khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả 91.500.000 đồng, anh cũng đồng ý trả 91.500.000 đồng nhưng anh xin trả một lần khi anh bán được quyền sử dụng đất.

*** *Tại bản tự khai, qua hòa giải, tại phiên tòa, bị đơn Phạm Thị Kim L trình bày:*** chị đồng ý Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giải quyết vụ án này. Lời trình bày của chị cũng trình bày như lời trình bày của anh T. Chị có ký tên vào giấy tay ghi ngày 02/9/2016, tiền này do vợ chồng cùng vay của V để mở quán ăn, mở quán bán nước giải khát nhưng do do việc kinh doanh bị thua lỗ không tiền trả, gần đây V có yêu cầu trả tiền nhưng chị không tiền trả nên V khởi kiện. Nay V không đồng ý 30.000.000 đồng là ghi không vào sổ nợ 86.000.000 đồng mà khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả 91.500.000 đồng, chị đồng ý cùng anh T trả 91.500.000 đồng nhưng xin trả một lần khi vợ chồng chị bán được quyền sử dụng đất.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Chị V, anh T và chị L có thỏa thuận vay tài sản với nhau, hai bên đã giao nhận tiền xong, do anh T, chị L vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T, chị L trả lại số tiền 91.500.0000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; do các đương sự hiện đang cư trú, sinh sống tại ấp A. L. T, xã X. Đ, huyện Chợ Gạo nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo có thẩm quyền giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Giao dịch giữa các đương sự đã được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp nên được xem xét giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị V, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị V và anh T, chị L có thỏa thuận vay tiền với nhau, chị V cho anh T và chị L vay số tiền cụ thể như sau: *ngày 15/6/2016, anh T vay 2.000.000 đồng; ngày 09/8/2016, anh T vay 1.000.000 đồng; ngày 28/8/2016, anh T vay 1.000.000 đồng; ngày 02/9/2016, vợ chồng anh T vay 86.000.000 đồng và ngày 05/9/2016, anh T vay 2.000.000 đồng.* Anh T hứa khi có tiền trả nợ lại nhưng sau đó anh không trả, chị V đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng anh T và chị L trả được chỉ 500.000 đồng, số còn lại 91.500.000 đồng, anh, chị hẹn hoài không trả. Khi vay, anh T và chị L có viết giấy nợ cho chị V do anh T, chị V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên chị V khởi kiện.

[3] Xét thấy, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, chị L đồng ý Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giải quyết vụ án. Anh T và chị L cho rằng: anh, chị thống nhất ngày 15/6/2016, anh T vay 2.000.000 đồng; ngày 09/8/2016, anh T vay 1.000.000 đồng; ngày 28/8/2016, anh T vay 1.000.000 đồng và ngày 05/9/2016, anh T vay 2.000.000 đồng. Tổng cộng 6.000.000 đồng, đã trả 500.000 đồng, còn nợ lại 5.500.000 đồng. Đối với số tiền vay 86.000.000 đồng vào ngày 02/9/2016, anh T và chị L cho rằng thực chất vợ chồng anh chỉ vay 56.000.000 đồng, trong đó 45.000.000 đồng tiền vốn và 11.000.000 đồng tiền lãi, còn 30.000.000 đồng là tiền lãi do chị V yêu cầu vợ chồng anh ghi thêm để chồng chị V khỏi la rầy chị V nên

anh, chị mới ghi thêm vào nhưng nay anh, chị không có chứng cứ chứng minh việc ghi thêm 30.000.000 đồng này nên anh, chị cũng đồng ý trả 86.000.000 đồng. Tổng cộng hai khoản nợ anh, chị đồng ý cùng có nghĩa vụ trả cho chị V số 91.500.000 đồng. Xét thấy, theo đơn khởi kiện chị V khởi kiện anh T và chị L trả 86.000.000 đồng và yêu cầu anh T trả 5.500.000 đồng. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, anh T và chị V thống nhất cùng có nghĩa vụ trả cho chị V số tiền nợ tổng cộng 91.500.000 đồng, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc anh T và chị L có nghĩa vụ trả cho chị V số tiền 91.500.000 đồng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về tiền lãi: chị V không yêu cầu tính lãi đối với số nợ trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về thời gian trả nợ: chị V yêu cầu anh T và chị L trả số nợ trên làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, anh T và chị L đồng ý trả một lần khi anh, chị bán được quyền sử dụng đất nhận thấy số nợ này lớn và thời gian đã lâu, nếu để kéo dài sẽ thiệt thòi quyền lợi của chị V nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V buộc anh T và chị L trả số tiền trên cho chị V làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, anh T, chị L có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, có xác nhận của UBND địa phương nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận giảm $\frac{1}{2}$ án phí cho anh Tiên, chị Lợi.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 357, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu V.

Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thu V số tiền vay 91.500.000 đồng (*Chín mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng*), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Kim L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì

hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Anh T và chị L liên đới chịu 2.287.500 đồng
- Hoàn lại cho chị V số tiền 1.144.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 35431 ngày 21/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án卷;

(Đã ký)

Phạm Văn Tài